

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 18/5/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyên

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” To Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Vp.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện To pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Vpbank.

Người đại diện To ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch HĐQT Vpbank).

Người đại diện To ủy quyền lại:

Ông Lê Thành L - Trưởng bộ phận xử lý nợ

Địa chỉ: 78 phố D, quận C, thành phố Hà Nội

Ông Bùi Minh T - Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Số 60, đường B, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Văn bản ủy quyền lại số 0310/2022/UQ-VPB ngày 03/10/2022 của ông Phạm Hà A).

Bị đơn: Anh Lương Ngọc H, sinh năm 1977

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị Nguyễn Thị T ủy quyền cho anh Lương Ngọc H tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 06/01/2023)

(Có mặt ông T là đại diện To ủy quyền lại của nguyên đơn, bị đơn - anh H, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

1. Theo Hợp đồng cho vay số LN1712260409929 ngày 28/12/2017; Khế ước nhận nợ ngày 29/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 08/4/2020, vợ chồng anh H, chị T đã vay của Ngân hàng Vp số tiền 430.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe ô tô nhãn hiệu Suzuki Ertiga mới 100%, anh H, chị T đã nhận nợ với Ngân hàng Vp số tiền 430.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày 29/12/2017 đến 29/6/2024. Ngân hàng Vp đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10,55%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần với mức điều chỉnh + biên độ 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Bên vay trả nợ gốc và lãi vào ngày 19 hàng tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA, số khung MHYKZE818JJ300088, số máy K14BT1239082, biển kiểm soát 17A - 092.49, giấy chứng nhận đăng ký xe số 016380 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 28/12/2017 mang tên Lương Ngọc H theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712260409929 ngày 28/11/2017. Ngân hàng Vp đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh H và chị T đã trả cho Ngân hàng Vp 185.070.000 đồng tiền gốc + 126.635.561 đồng tiền lãi và 97.210 đồng tiền lãi chậm trả, còn nợ 244.930.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 19/02/2021 do anh H, chị T không trả nợ

tiếp, Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn kể từ ngày 19/02/2021. Tính đến ngày 18/5/2023, anh H, chị T còn nợ Ngân hàng Vp tiền gốc là 244.930.000 đồng, tiền lãi là 107.561.740 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/11/2022 là 9.862.935 đồng, tổng là 362.354.675 đồng.

Ngày 25/11/2020, Ngân hàng Vp đã thông báo cho anh H, chị T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 06/01/2022, Ngân hàng Vp đã yêu cầu anh H bàn giao cho Ngân hàng Vp tài sản đảm bảo là 01 xe ô SUZUKI ERTIGA, biển kiểm soát 17A - 092.49 để phát mại thu hồi khoản nợ của anh H, chị T nhưng không anh H không thực hiện.

2. Ngày 26/02/2018, anh H có Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ điện tử gửi Ngân hàng. Ngày 10/3/2018, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng số 319-P-919518 với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 35,88%/năm và bên sử dụng thẻ phải hoàn lại tiền vào thẻ vào ngày 25 hàng tháng. Sau đó từ tháng 5/2019 đến ngày 11/02/2020 thì Ngân hàng phát hành tăng dần số tiền trong thẻ lên 72.000.000 đồng. Anh H đã sử dụng thẻ từ ngày 10/4/2018 đến ngày 27/6/2020. Ngày 25/8/2020, anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thẻ tín dụng và phải trả lãi từ ngày 25/8/2020 với lãi suất 35,88%/năm. Tính đến ngày 18/5/2023, anh H còn nợ Ngân hàng Vp tiền gốc là 72.000.000 đồng, tiền lãi là 89.234.884 đồng, tổng là 161.234.884 đồng.

3. To giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/01/2019 với số hiệu LD1902901102 ngày 29/01/2019, anh H đã vay của Ngân hàng Vp số tiền 59.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 20%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: vay tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh H đã trả cho Ngân hàng Vp 38.338.208 đồng tiền gốc và 21.681.593 đồng tiền lãi, còn nợ 20.661.792 đồng tiền gốc. Đến ngày 01/9/2021 do anh H không trả nợ tiếp, Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn kể từ ngày 01/9/2021. Tính đến ngày 18/5/2023, anh H còn nợ Ngân hàng Vp tiền gốc là 20.661.792 đồng, tiền lãi là 10.191.944 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/11/2022 là 416.510 đồng, tổng cộng là 31.270.246 đồng.

4. To Hợp đồng cho vay số LD1934800055 ngày 14/12/2019, anh H đã vay của Ngân hàng Vp số tiền 27.000.000 đồng, thời hạn trả là 19/11/2022. Mục đích sử dụng tiền vay: phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Ngân hàng Vp đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định đến ngày 01/4/2020. Lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Bên vay trả nợ gốc và lãi vào ngày 19 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh H trả cho Ngân hàng Vp 9.466.751 đồng tiền gốc và 7.830.411 đồng tiền lãi, còn nợ 17.533.249

đồng tiền gốc. Đến ngày 19/8/2021 do anh H không trả nợ tiếp, Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn kể từ ngày 19/8/2021. Tính đến ngày 18/5/2023, anh H còn nợ Ngân hàng Vp tiền gốc là 17.533.249 đồng, tiền lãi là 10.943.502 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/11/2022 là 565.002 đồng, tổng là 29.041.753.

5. To Hợp đồng cho vay số LD2000900309 ngày 09/01/2020, anh H đã vay của Ngân hàng Vp số tiền 65.900.000 đồng, thời hạn trả là 19/12/2022. Mục đích sử dụng tiền vay: phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Ngân hàng Vp đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định đến ngày 01/4/2020. Lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Bên vay trả nợ gốc và lãi vào ngày 19 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh H trả cho Ngân hàng Vp 17.764.955 đồng tiền gốc và 13.620.192 đồng tiền lãi, còn nợ 48.135.045 đồng tiền gốc. Đến ngày 19/02/2021 do anh H không trả nợ tiếp, Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn kể từ ngày 19/02/2021. Tính đến ngày 18/5/2023, anh H còn nợ Ngân hàng Vp tiền gốc là 48.135.045 đồng, tiền lãi là 37.442.635 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/11/2022 là 4.560.092 đồng, tổng là 90.137.772 đồng.

Tổng số tiền anh H đã vay của Ngân hàng Vpbank theo các Hợp đồng tín dụng ngày 26/02/2018, 29/01/2019, 14/12/2019 và ngày 09/01/2020 là 223.900.000 đồng, đã trả 65.569.914 đồng tiền gốc + 43.132.196 đồng tiền lãi và 33.076 đồng tiền lãi chậm trả, anh H còn nợ tiền gốc là 158.330.086 đồng và lãi từ ngày quá hạn của các Hợp đồng tín dụng trên cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 147.812.965 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/11/2022 là 5.541.604 đồng.

Ngân hàng Vp yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị T phải thanh toán cho Ngân hàng Vp số tiền nợ gốc: 244.930.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 19/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 107.561.740 đồng; lãi chậm trả tạm tính đến ngày 07/11/2022 là 9.862.935 đồng, tổng cộng: 362.354.675 đồng (theo Hợp đồng tín dụng ngày 28/12/2017)

Ngân hàng Vpbank yêu cầu Tòa án buộc anh H phải thanh toán cho Ngân hàng Vp tổng số tiền nợ gốc: 158.330.086 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 147.812.965 đồng; lãi chậm trả tạm tính đến ngày 07/11/2022 là 5.541.604 đồng, tổng cộng: 311.684.655 đồng (theo các Hợp đồng tín dụng ngày 29/01/2019, ngày 26/02/2018, ngày 14/12/2019, số ngày 09/01/2020)

Tại phiên tòa, Vpbank rút yêu cầu đối với số tiền lãi phạt chậm trả là 15.404.539 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến ngày anh H, chị T thực tế trả hết nợ cho Ngân hàng Vp. Trường hợp anh H, chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Vp thì Ngân hàng Vp được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh H, chị T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo bản án/quyết định của Tòa án cho đến khi anh H, chị T hết nghĩa vụ với Ngân hàng Vp.

* Bị đơn là anh Lương Ngọc H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T trình bày: Anh H thừa nhận tất các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng và xác định có nợ Ngân hàng Vp số tiền như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Để được vay những khoản vay trên anh H đã thế chấp xe ô tô SUZUKI ERTIGA, biển kiểm soát 17A - 092.49 cho Ngân hàng. Anh H vẫn trả góp gốc và lãi các khoản vay đúng hạn nhưng đến năm 2019 do ảnh hưởng dịch Covid19 kinh tế khó khăn nên anh H không thể trả tiền theo đúng hạn do đó Ngân hàng không gia hạn giấy đi đường xe 17A - 092.49 cho anh từ tháng 10/2020 đến nay. Anh H, chị T có ý kiến là khi vay tiền anh H thế chấp xe ô tô 17A - 092.49 cho Ngân hàng nên anh H sẽ bàn giao xe ô tô SUZUKI ERTIGA, biển kiểm soát 17A - 092.49 cho Ngân hàng Vp và đề nghị Ngân hàng xóa nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Vp đối với anh Lương Ngọc H, chị Nguyễn Thị T:

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Vp về phần lãi phạt chậm trả và đình chỉ yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

- Buộc anh Lương Ngọc H, chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Vp số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 352.491.740 đồng, trong đó nợ gốc là 244.930.000 đồng, nợ lãi là 107.561.740 đồng.

- Buộc anh Lương Ngọc H phải trả cho Ngân hàng Vp tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 306.143.051đồng, trong đó nợ gốc là: 158.330.086 đồng, nợ lãi là 147.812.965đồng.

- Anh H, chị T phải tiếp tục trả lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế trả hết nợ cho Ngân hàng Vpbank.

Về án phí: Ngân hàng Vp không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Anh Lương Ngọc H, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí To quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Ngân hàng Vp khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh H, chị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình trả nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng tín dụng, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô, tiêu dùng cá nhân, mua bảo hiểm sinh mạng. Như vậy anh H, chị T không sử dụng vốn vay cho mục đích kinh doanh do đó khi xảy ra vi phạm thuộc tranh chấp trong lĩnh vực dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Các hợp đồng tín dụng ngày 28/12/2017 và các văn bản tín dụng ngày 26/02//2018, 29/01/2019, 14/12/2019, 09/01/2020 giữa Ngân hàng Vp và anh H, chị T được các bên tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng tín dụng cùng các văn bản tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng trên là hợp pháp và là căn cứ để các bên thực hiện.

[4.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số LN1712260409929 ngày 28/12/2017 và khế ước nhận nợ ngày 29/12/2017 thì Ngân hàng Vp đã giải ngân 430.000.000đồng cho anh H, chị T và Bên vay trả nợ gốc và lãi vào ngày 19 hàng tháng. Để bảo đảm cho khoản vay 430.000.000đồng theo Hợp cho vay số LN1712260409929 ngày 28/12/2017, anh H, chị T đã thế chấp 01 ô tô con, nhãn

hiệu SUZUKI ERTIGA, số khung MHYKZE818JJ300088, số máy K14BT1239082, biển kiểm soát 17A - 092.49, giấy chứng nhận đăng ký xe số 016380 do Phòng cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 28/12/2017 mang tên Lương Ngọc H theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712260409929 ngày 28/11/2017. Hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp và bên nhận thế chấp. Do đó trong trường hợp anh H, chị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô trên theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh H, chị T đã trả 185.070.000đồng tiền gốc + 126.635.561 đồng tiền lãi và 97.210đồng tiền lãi chậm trả do đó anh H, chị T còn nợ Ngân hàng VP số tiền gốc là 244.930.000đồng. Đến ngày 19/02/2021, do anh H, chị T không trả nợ tiếp nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc thành nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 25/11/2020, Ngân hàng Vp đã thông báo cho anh H, chị T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh H, chị T không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 06/01/2022, Ngân hàng Vp đã yêu cầu anh H bàn giao cho Ngân hàng Vp tài sản đảm bảo là 01 xe ô SUZUKI ERTIGA, số khung MHYKZE818JJ300088, số máy K14BT1239082, biển kiểm soát 17A - 092.49 để phát mại thu hồi khoản nợ của anh H, chị T nhưng anh H không thực hiện nên Ngân hàng không thể tự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 7, 8 của Hợp đồng thế chấp số LN1712260409929 ngày 28/11/2017. Như vậy anh H, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Vp và không tự nguyện thực hiện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 2, 4, 6, 7 của Hợp đồng tín dụng LN1712260409929 ngày 28/12/2017, vi phạm Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4.3] Đối với các Hợp đồng số LD2000900309 ngày 09/01/2020 (khoản vay 65.900.000đồng) và số LD1934800055 ngày 14/12/2019 (khoản vay 27.000.000 đồng) thì Bên vay trả nợ gốc và lãi vào ngày 19 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 09/01/2020 (khoản vay 65.900.000đồng) , anh H đã trả cho Ngân hàng Vp 17.764.955đồng tiền gốc + 13.620.192đồng tiền lãi và 33.076đồng tiền lãi chậm trả do đó số tiền gốc còn nợ là 48.135.045 đồng. Đến ngày 19/02/2021 do anh H không trả nợ tiếp nên Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 14/12/2019 (khoản vay 27.000.000 đồng), anh H trả cho Ngân hàng Vp 9.466.751 đồng tiền gốc và 7.830.411 đồng tiền lãi do đó số tiền gốc anh H còn nợ là 17.533.249 đồng. Đến ngày 19/8/2021 do anh H không trả nợ tiếp nên Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy anh H không

thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại khoản 3 Điều 3, Điều 5, Điều 7 Điều kiện giao dịch chung về cho vay từng lần không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân vay vốn trên kênh Vp online của Vp, vi phạm Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó theo Hợp đồng tín dụng ngày 09/01/2020, anh H phải trả cho Ngân hàng Vp số tiền gốc là 48.135.045 đồng và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc tính từ ngày quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.442.635 đồng và theo Hợp đồng tín dụng ngày 14/12/2019, anh H phải trả cho Ngân hàng VP số tiền gốc là 17.533.249 đồng và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc tính từ ngày quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 10.943.502 đồng.

[4.4] Quá trình thực hiện thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử (số tiền 59.000.000 đồng) ngày 28/01/2019, anh H đã trả cho Ngân hàng Vpbank 38.338.208 đồng tiền gốc và 21.681.593 đồng tiền lãi do đó anh H còn nợ số tiền gốc là 20.661.792 đồng. Đến ngày 01/9/2021 do anh H không trả nợ tiếp nên Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên sử dụng thẻ, vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 3, 5, 7, 8 của Điều kiện giao dịch chung về cho vay từng lần không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng Vp, vi phạm Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó cần buộc anh H phải trả cho Ngân hàng Vp số tiền gốc là 20.661.792 đồng và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc tính từ ngày quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 10.191.944 đồng.

[4.5] Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 26/02/2018. Ngày 10/3/2018, Ngân hàng Vp đã phát hành thẻ tín dụng số 319-P-919518 với số tiền 50.000.000 đồng, sau đó tăng dần lên và ngày 11/2/2020 tăng lên 72.000.000 đồng. Anh H đã nhận thẻ, quá trình sử dụng thẻ đến ngày 27/6/2020 anh H rút hết số tiền 72.000.000 đồng trong thẻ nhưng không hoàn trả lại số tiền trên vào thẻ tín dụng vào ngày 25 hàng tháng. Ngày 25/7/2020, anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 25/8/2020 phải trả lãi 35,88% đối với số tiền 72.000.000 đồng. Tính đến ngày 18/5/2023, anh H nợ số tiền gốc của thẻ tín dụng số 319-P-919518 ngày 26/02/2018 là 72.000.000 đồng, số tiền lãi tính từ ngày 25/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 89.234.884 đồng, tổng cộng: 161.234.884 đồng. Như vậy anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 26/02/2018 là vi phạm nghĩa vụ của bên sử dụng thẻ, vi phạm Luật các tổ chức tín dụng, vi phạm cam kết của bên sử dụng thẻ. Do đó cần buộc anh H phải trả cho Ngân hàng Vp tiền gốc: 72.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 25/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 89.234.884 đồng, tổng cộng: 161.234.884 đồng theo quy định tại

Điều 6, 8 Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại VP (áp dụng kể từ ngày 12/10/2017), vi phạm Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Anh H, chị T đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng Vp khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc quá hạn, nợ lãi là phù hợp với các quy định của pháp luật, có cơ sở chấp nhận. Do đó cần buộc anh H, chị T phải trả cho Ngân hàng Vp số tiền gốc là 244.930.000 đồng và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc tính từ ngày quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 107.561.740 đồng và buộc anh H còn phải trả cho Ngân hàng Vp tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 306.143.051 đồng, trong đó nợ gốc là 158.330.086 đồng, nợ lãi là 147.812.965 đồng.

[6] Tại phiên tòa, VP rút yêu cầu đối với số tiền phạt chậm trả tạm tính đến ngày 07/11/2022 là 15.404.539 đồng. Việc rút yêu cầu này của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật do đó đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của Ngân hàng.

[7] Về án phí: Ngân hàng Vp không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lương Ngọc H và chị Nguyễn Thị T phải chịu 17.624.587 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay tại Hợp đồng tín dụng số 28/12/2017. Anh Lương Ngọc H phải chịu 15.307.152 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VP đối với anh Lương Ngọc H, chị Nguyễn Thị T.

2. Buộc anh Lương Ngọc H, chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VP số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 352.491.740 đồng, trong đó nợ gốc là 244.930.000 đồng, nợ lãi là 107.561.740 đồng.

Kể từ ngày tiếp To ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Lương Ngọc H, chị Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1712260409929 ngày 28/12/2017.

Trường hợp anh H, chị T không trả được nợ, thì Ngân hàng VP có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ To Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712260409929 ngày 28/12/2017 là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA, số khung MHYKZE818JJ300088, số máy K14BT1239082, biển kiểm soát 17A - 092.49, giấy chứng nhận đăng ký xe số 016380 do Phòng cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 28/12/2017 mang tên Lương Ngọc H. Sau khi xử lý tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì anh H, chị T có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Vpbank.

3. Buộc anh Lương Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VP số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/5/2023 là 306.143.051đồng, trong đó nợ gốc là 158.330.086đồng, nợ lãi là 147.812.965đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Lương Ngọc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong trong các Hợp đồng tín dụng (ngày 14/12/2019, ngày 09/01/2020, giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 26/02/2018 và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/01/2019 mà anh H đã ký với Ngân hàng Vp.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng VP đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 15.404.539đồng.

5. Ngân hàng VP không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng VP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001768 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương.

Anh Lương Ngọc H và chị Nguyễn Thị T phải chịu 17.624.587 (Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Ngọc H phải chịu 15.307.152 (Mười lăm triệu ba trăm linh bảy nghìn một trăm năm mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng VP có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án To quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, vp.

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Thanh Xuân

